

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PA
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2025/HSST
Ngày 20/3/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PA - TỈNH GIA LAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị D

-Các Hội thẩm nhân dân:

+Ông Nguyễn Văn L

+Bà Tạ Thị H

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh N – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Ksor Q - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 3 năm 2025 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 40/2024/HSST, ngày 11 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2024/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2025/HSST-QĐ, ngày 22 tháng 01 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2025/HSST-QĐ, ngày 19 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo:

Dương Đình N, sinh năm 1997 tại Y, Bắc Ninh; Trú tại: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Dương Đình M, sinh năm 1968 và bà Nghiêm Thị Đ, sinh năm 1972; bị cáo có vợ và 02 con, con nhỏ nhất sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: không; nhân thân: xấu, ngày 05/8/2024 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xử phạt 12 (mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 02 (hai) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành là 14 (mười bốn) năm tù, bị cáo đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam N2.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/10/2023 và giam liên tục cho đến nay và hiện có mặt tại phiên tòa, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Ông Dương Đình B, sinh năm 1982 và bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1990, vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi thường trú: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh

Nơi tạm trú: Buôn Chờ T, xã I, huyện K, tỉnh Gia Lai

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Chị Dương Thị P, sinh năm 1988; trú tại: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh, vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Vào tháng 6/2023, anh Dương Đình B đang tạm trú tại buôn C, xã I, huyện K khi về quê tại xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh và biết Dương Đình N là em họ B, làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình N ở gần khu vực đất của anh B. Anh B đến gặp N nhờ giúp làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình anh B tại thửa đất số 110, tờ bản đồ số 20, địa chỉ thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh, diện tích 764m, do anh B đã đi làm hồ sơ nhiều lần nhưng không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được N đồng ý.

Khi nhận lời làm hồ sơ cấp đất cho anh B, ngay từ đầu N biết rõ thửa đất của anh B không thể làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, vì muốn chiếm đoạt tiền của anh B, N vẫn nói với anh B là có khả năng làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhiều lần đưa ra các thông tin không đúng sự thật về quá trình làm giấy tờ để được cấp quyền sử dụng đất mục đích để anh B tin tưởng chuyển tiền. Ngày 03/7/2023, để tạo thêm lòng tin N lên mạng xã hội Facebook nhắn tin với tài khoản “làm giả giấy tờ” và đặt làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả với giá 5.000.000 đồng. N cung cấp trích lục thửa đất cho người làm giả và hẹn 10 ngày sau nhận dưới hình thức sip COD. Ngày 07/7/2023, người làm giả gửi cho N 02 ảnh chụp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất mang số 272580, thửa đất số 110, tờ bản đồ số 20, diện tích 764m², mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm, do UBND huyện Y cấp vào ngày 07/7/2023 cho ông Dương Đình B và bà Nguyễn Thị N1. Sau đó, N chia sẻ qua Z cho anh B để tạo lòng tin. Anh B tiếp tục nhờ N chuyển đổi thửa đất sang đất ở, N tiếp tục liên hệ người làm giả, làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở. Ngày 15/8/2023, người làm giả gửi 02 ảnh chụp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất mang số 272580, thửa đất số 110, tờ bản đồ số 20, diện tích 764m², mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn, do UBND huyện Y cấp ngày 14/8/2023 cho ông Dương Đình B và bà Nguyễn Thị N1. Vì tin tưởng N có thể làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho mình nên từ ngày 26/6/2023 đến ngày 06/8/2023, anh B đã chuyển tiền cho N 14 lần vào số tài khoản 108870513174 của ngân hàng V có tên Dương Đình N, theo yêu cầu của N với tổng số tiền là 279.800.000 đồng.

Vì muốn tiếp tục chiếm đoạt thêm tiền của anh B, Dương Đình N tiếp tục liên hệ đặt làm 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên N để chào bán cho anh B. Ngày 07/8/2023, người làm giả gửi ảnh chụp hai mặt giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất số CD924007, thửa đất số 95, tờ bản đồ số 27, địa chỉ tại thôn T, xã Y, huyện Y, Bắc Ninh với diện tích 240m² thể hiện chủ sở hữu là Dương Đình N. Nam gửi ảnh chụp hai mặt giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên qua Zalo cho anh B và chào bán với giá 1.150.000.000 đồng. Anh B đồng ý mua nên đã thỏa thuận đặt cọc trước số tiền 150.000.000 đồng và sau khi làm thủ tục sang tên thì trả hết số tiền 1.000.000.000 đồng còn lại. Ngày 12/8/2023, anh B chuyển số tiền 150.000.000 đồng vào số tài khoản 108870513174 cho N và N tiếp tục liên hệ người làm giả gửi cho N hình ảnh chứng thực của UBND xã Y chứng thực ngày 14/8/2023 và N gửi qua Z cho anh B cùng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Đến ngày 16/8/2023, qua một số mối quan hệ quen biết ở huyện Y, Bắc Ninh, anh Dương Đình B biết được những giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hợp đồng chuyển nhượng mà N gửi cho anh B đều là giả, lúc này anh B biết mình bị lừa nên làm đơn trình báo đến Công an huyện Y, Bắc Ninh, Ngày 11/9/2023 Cơ quan CSĐT Công an huyện K tiếp nhận tố giác về tội phạm của anh Dương Đình B do Cơ quan CSĐT Công an huyện Y, Bắc Ninh chuyển đến để giải quyết theo thẩm quyền.

*** Về dân sự:** Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 429.800.00 đồng, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại số tiền 80.000.000 đồng. Số tiền bị cáo còn tiếp tục phải bồi thường cho người bị hại là 349.800.000 đồng.

Bản cáo trạng số 40/CT-VKS ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Dương Đình N về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 BLHS và tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” quy định tại điểm b,c khoản 3 Điều 341 của BLHS.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên toà vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Dương Đình N về tội danh và điều luật áp dụng; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây gọi tắt là HĐXX):

- Áp dụng điểm a, Khoản 3, Điều 174 BLHS, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 55, Điều 56 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo Dương Đình N từ 07 năm đến 08 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”;

- Áp dụng điểm b,c Khoản 3, Điều 341 BLHS, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 55, Điều 56 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo Dương Đình N từ 03 năm đến 04 năm tù về tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung từ 10 năm đến 12 năm tù. Tổng hợp hình phạt 14 năm tù tại bản án số 88/2024/HSST, ngày 05/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 24 năm đến 26 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn và mức hình phạt chính đề nghị đã đủ sức răn đe đối với bị cáo nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

Cơ quan điều tra Công an huyện K, tỉnh Gia Lai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và tội danh của bị cáo: Khoảng từ tháng 6/2023 đến tháng 8/2023, tại thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh, Dương Đình N đã có hành vi thuê một đối tượng không rõ nhân thân lai lịch làm 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và 01 giấy chứng thực việc mua bán đất giả. Sau đó Dương Đình N sử dụng hình ảnh của các giấy tờ giả này để lừa làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh Dương Đình B nhằm chiếm đoạt số tiền 429.800.000 đồng.

Đại diện UBND huyện Y, tỉnh Bắc Ninh và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Y, tỉnh Bắc Ninh xác nhận: Ủy ban nhân dân huyện Y không cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 272580, thửa đất số 110, tờ bản đồ số 20, diện tích 764m², tên người sử dụng Dương Đình B và Nguyễn Thị N1. Không cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 924007, thửa đất 95, tờ bản đồ số 27, diện tích 240m², tên người sử dụng Dương Đình N; địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh xác nhận: Ngày 14/8/2023, UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh không chứng thực hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Dương Đình N và anh Dương Đình B.

Lời nhận tội của bị cáo Dương Đình N tại phiên tòa phù hợp với nội dung của bản cáo trạng, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu,

chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. HĐXX có đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 và tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” quy định tại điểm b, c khoản 3 Điều 341 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa truy tố bị cáo Dương Đình N về hành vi theo tội danh trên là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ, trách nhiệm hình sự và hình phạt:

[3.1] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo nhiều lần sử dụng giấy tờ, tài liệu giả nhằm mục đích chiếm đoạt nhiều lần tiền của bị hại nên phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

[3.2] Về tính chất, mức độ của hành vi, tình tiết giảm nhẹ, trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Bị cáo Dương Đình N là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được sự nguy hiểm của hành vi. Bị cáo biết được nhu cầu của anh Dương Đình B muốn làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho thửa đất của gia đình. Dương Đình N đã nhận lời làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Dương Đình B. Bị cáo đã đưa ra hàng loạt các thông tin giả về các mối quan hệ quen biết trong quá trình làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để cho anh B tin tưởng. Nhằm chiếm đoạt tiền từ anh Dương Đình B, bị cáo N đã liên hệ thuê làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả từ một đối tượng không rõ nhân thân lai lịch thông qua mạng xã hội và nhận ảnh chụp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 272580, thửa đất số 110, tờ bản đồ số 20, diện tích 764m², tên người sử dụng Dương Đình B và Nguyễn Thị N1 được gửi qua tin nhắn điện thoại và chuyển cho anh Dương Đình B. Cũng bằng thủ đoạn đó, Dương Đình N gửi 01 ảnh chụp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 924007, thửa đất 95, tờ bản đồ số 27, diện tích 240m², tên người sử dụng Dương Đình N và 01 ảnh chụp bản chứng thực hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Dương Đình N và anh Dương Đình B để lừa bán đất cho anh Dương Đình B. Anh Dương Đình B tin tưởng các giấy tờ trên là thật, đã chuyển cho Dương Đình N tổng số tiền 429.800.000 đồng, gồm chi phí làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giá trị nhận chuyển nhượng thửa đất có tên Dương Đình N.

Ngày 25/10/2023 Dương Đình N bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B khởi tố về hành vi “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức*”. Ngày 05/8/2024, Tòa án nhân tỉnh Bắc Ninh tuyên xử bị cáo 1 (mười hai) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 02 (hai) năm tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”. Tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành là 14 (mười bốn) năm tù.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, xâm phạm đến hoạt động đúng đắn bình thường của cơ quan Nhà nước, tổ chức trong hoạt động quản lý

hành chính. Do đó, hành vi của bị cáo cần phải được xét xử nghiêm theo quy định của pháp luật mới đảm bảo tính trừng trị, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thì bị cáo tỏ ra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại khắc phục một phần hậu quả cho bị hại, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS.

Đối với người đàn ông có Facebook và Z tên “làm giả giấy tờ” được Dương Đình N thuê làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả không xác định được nhân thân lai lịch nên không có căn cứ xử lý.

Lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa và mức hình phạt là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[4] *Về trách nhiệm dân sự:* Trước phiên tòa, bị hại và bị cáo đã thỏa thuận số tiền bồi thường là 429.800.000 đồng, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại số tiền 80.000.000 đồng. Số tiền bị cáo còn tiếp tục phải bồi thường cho người bị hại là 349.800.000 đồng.

[5] *Về án phí:* Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Dương Đình N phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

1. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 55, Điều 56 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Dương Đình N 07 (*bảy*) năm 06 (*sáu*) tháng tù.

Áp dụng điểm b, c khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 55, 56 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Dương Đình N 03 (*ba*) năm 06 (*sáu*) tháng tù.

Hình phạt chung bị cáo phải chấp hành là 11 (*mười một*) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 23/10/2023.

Tổng hợp hình phạt 14 (*mười bốn*) năm tù tại bản án số 88/2024/HSST, ngày 05/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh. Hình phạt chung bị cáo phải chấp hành là 25 (*hai mươi lăm*) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam là ngày 23/10/2023.

2. Về dân sự: Áp dụng Điều 46, Điều 48 của BLHS 2015; Điều 584, 585, 586 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự:

Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại: Buộc bị cáo Dương Đình N có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Dương Đình B, Nguyễn Thị N1 số tiền 349.800.000 đồng (*ba trăm bốn mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng*).

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015, điểm a, f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Dương Đình N phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

4. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án (20/3/2025), bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo thời hạn 15 (*mười lăm*) kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật để yêu cầu Toà án Nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai (01 bản);
- VKSND h. Krông Pa (02 bản);
- Phân trại tạm giam Krông Pa (PC11);
- Bị cáo; bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Chi cục THADS h. Krông Pa (01 bản);
- Lưu HS vụ án, THA hình sự (02 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị D

